

Số: 1084/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Dự án: Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Bàn

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: ..... 6672 .....
	Ngày: ... 10/7/18 ...
	Chuyên: .....

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 17/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Bàn;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy mô, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư và thời gian thực hiện dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Bàn;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi tại Tờ trình số 542/TTr-KTCTTL ngày 21/5/2018 về việc đề nghị thẩm tra và trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Bàn và kết quả thẩm tra của Sở Tài chính tại Báo cáo số 100/BC-STC-ĐT ngày 26/6/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên dự án: Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Bàn.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi.
- Địa điểm xây dựng: Xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian khởi công - hoàn thành: Tháng 3/2014 - 10/2017.

## Điều 2. Kết quả đầu tư

### 1. Nguồn vốn đầu tư

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn thanh toán
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.097.532.000</b>	<b>25.914.114.000</b>	<b>1.189.313.000</b>
Ngân sách Trung ương	13.893.672.000	13.893.672.000	0
Ngân sách tỉnh	13.203.860.000	12.020.442.000	1.189.313.000

(chênh lệch 5.895.000 đồng do thu hồi nộp Ngân sách Nhà nước theo kết luận Thanh tra Bộ Kế hoạch và đầu tư)

### 2. Chi phí đầu tư

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
<b>Tổng số:</b>	<b>33.161.000.000</b>	<b>27.097.532.000</b>
- Bồi thường, giải phóng mặt bằng	3.998.950.000	3.996.768.000
- Xây dựng:	21.038.625.000	19.616.530.000
- Quản lý dự án:	387.051.000	387.051.000
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.616.050.000	2.533.171.000
- Chi phí khác:	1.026.197.000	564.012.000
- Dự phòng:	4.094.127.000	0

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.097.532.000</b>			
- Tài sản cố định	27.097.532.000			
- Tài sản ngắn hạn	0			

## Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư dự án là:

<b>Nguồn vốn</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.097.532.000</b>	
Ngân sách Trung ương	13.893.672.000	
Ngân sách tỉnh	13.203.860.000	

- Tình hình công nợ của dự án:

+ Nợ phải thu: 53.004.000 đồng;

+ Nợ phải trả: 1.236.422.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

- Nguồn vốn trả nợ cho dự án: Từ nguồn thu hồi là 53.004.000 đồng (trong đó thu hồi nộp ngân sách theo kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư là 5.895.000 đồng và bù trừ công nợ cho dự án là 47.109.000 đồng) và bố trí bổ sung từ ngân sách tỉnh là 1.189.313.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản ngắn hạn (đồng)
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi	27.097.532.000	0

3. Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện đầy đủ các nội dung theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành số: 100/BC-STC-ĐT ngày 26/6/2018 của Sở Tài chính và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), KT, TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh521).



**Nguyễn Tăng Bình**



**Phụ lục 1:**  
**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN**

**Dự án: Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Bàn**

(Kèm theo Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

TT	Cơ cấu	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán
<b>I</b>	<b>Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng</b>	<b>3.998.950.000</b>	<b>3.996.768.000</b>	<b>3.996.768.000</b>	<b>-2.182.000</b>
1	Đền bù trực tiếp	3.622.503.275	3.622.474.000	3.622.474.000	-29.275
2	Phục vụ bồi thường	72.464.725	72.418.000	72.418.000	-46.725
3	Trích lục bản đồ địa chính và cắm mốc giải phóng mặt bằng	303.982.000	301.876.000	301.876.000	-2.106.000
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>21.038.625.000</b>	<b>19.616.530.000</b>	<b>19.616.530.000</b>	<b>-1.422.095.000</b>
1	Gói thầu số 9	5.585.838.000	5.376.331.000	5.376.331.000	-209.507.000
-	Giá trị hợp đồng	5.585.838.000	5.382.226.000	5.382.226.000	-203.612.000
-	Giá trị thu hồi nộp ngân sách của Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0	-5.895.000	-5.895.000	-5.895.000
2	Gói thầu số 10	6.236.176.000	5.719.179.000	5.719.179.000	-516.997.000
-	Giá trị hợp đồng	6.236.176.000	5.746.415.000	5.746.415.000	-489.761.000
-	Giá trị thu hồi nộp ngân sách của Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0	-27.236.000	-27.236.000	-27.236.000
3	Gói thầu số 11	9.216.611.000	8.521.020.000	8.521.020.000	-695.591.000

TT	Cơ cấu	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán
-	Giá trị hợp đồng	9.216.611.000	8.542.173.000	8.542.173.000	-674.438.000
-	Giá trị giám trừ của Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0	-21.153.000	-21.153.000	-21.153.000
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>387.051.000</b>	<b>387.051.000</b>	<b>387.051.000</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>2.616.050.000</b>	<b>2.533.171.000</b>	<b>2.533.171.000</b>	<b>-82.879.000</b>
1	Chi phí chi phí khảo sát địa hình, địa chất và lập dự án đầu tư	522.593.000	511.766.000	511.766.000	-10.827.000
2	Chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công	1.404.955.000	1.364.399.000	1.364.399.000	-40.556.000
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	384.533.000	370.164.000	370.164.000	-14.369.000
4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	42.078.000	42.056.000	42.056.000	-22.000
5	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	67.043.000	67.043.000	67.043.000	0
6	Chi phí thẩm tra tổng dự toán điều chỉnh	11.797.000	11.796.000	11.796.000	-1.000
7	Chi phí lập báo cáo đánh giá tổng mức đầu tư	79.658.000	79.658.000	79.658.000	0
8	Chi phí lập dự án đầu tư và thiết kế bản vẽ thi công - dự toán điều chỉnh	86.289.000	86.289.000	86.289.000	0
9	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi dự án	17.104.000	0	0	-17.104.000
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>1.026.197.000</b>	<b>564.012.000</b>	<b>564.012.000</b>	<b>-462.185.000</b>
1	Chi phí hạng mục chung	276.498.000	0	0	-276.498.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình	136.752.000	134.565.000	134.565.000	-2.187.000
3	Chi phí kiểm toán	323.552.000	323.551.000	323.551.000	-1.000

TT	Cơ cấu	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	91.027.000	91.027.000	91.027.000	0
5	Chi phí thẩm tra tổng dự toán	80.122.000	0	0	-80.122.000
6	Chi phí thẩm định dự án đầu tư	5.307.000	5.306.000	5.306.000	-1.000
7	Chi phí thẩm định dự án đầu tư điều chỉnh	5.306.000	0	0	-5.306.000
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu thi công xây dựng	9.563.000	0	0	-9.563.000
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	9.563.000	9.563.000	9.563.000	0
10	Thuế tài nguyên	39.337.000	0	0	-39.337.000
11	Phí bảo vệ môi trường	49.170.000	0	0	-49.170.000
<b>VI</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>4.094.127.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-4.094.127.000</b>
<b>VII</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>33.161.000.000</b>	<b>27.097.532.000</b>	<b>27.097.532.000</b>	<b>-6.063.468.000</b>



**Phụ lục 2:**  
**BẢNG CÔNG NỢ**

**Dự án: Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Bàn**

*(Kính quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số cấp cho dự án			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng cộng	Trong đó		Phải thu (-)	Phải trả (+)
					Đã thanh toán	Đã thu hồi nộ Ngân sách nhà nước qua tài khoản của Thanh tra Bộ KH&ĐT		
<b>I</b>		<b>Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng</b>	<b>3.996.768.000</b>	<b>3.957.193.000</b>	<b>3.957.193.000</b>	<b>0</b>	<b>-2.136.000</b>	<b>41.711.000</b>
1	Dân và tổ chức	Đền bù trực tiếp	3.622.474.000	3.622.474.000	3.622.474.000	0	0	0
2		Phục vụ bồi thường	72.418.000	30.737.000	30.737.000	0	-30.000	41.711.000
-	Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Mộ Đức		30.707.000	30.737.000	30.737.000	0	-30.000	0
-	Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi		41.711.000	0	0	0	0	41.711.000
3	Trung Tâm trắc địa và quan trắc môi trường	Trích lục bản đồ địa chính và cắm mốc giải phóng mặt bằng	301.876.000	303.982.000	303.982.000	0	-2.106.000	0
<b>II</b>		<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>19.616.530.000</b>	<b>19.065.668.000</b>	<b>19.092.904.000</b>	<b>-27.236.000</b>	<b>-9.833.000</b>	<b>560.695.000</b>
1		Gói thầu số 9	5.376.331.000	5.382.226.000	5.382.226.000	0	-5.895.000	0

TT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số cấp cho dự án			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng cộng	Trong đó		Phải thu (-)	Phải trả (+)
					Đã thanh toán	Đã thu hồi nộp Ngân sách nhà nước qua tài khoản của Thanh tra Bộ KH&ĐT		
-	Công ty cổ phần xây dựng Khánh Thịnh		3.958.363.000	3.964.258.000	3.964.258.000	0	-5.895.000	0
-	Công ty TNHH Tiến Bảo		1.417.968.000	1.417.968.000	1.417.968.000	0	0	0
2		Gói thầu số 10	5.719.179.000	5.721.079.000	5.748.315.000	-27.236.000	-1.900.000	0
-	Công ty cổ phần xây dựng Khánh Thịnh		3.854.330.000	3.854.330.000	3.881.566.000	-27.236.000	0	0
-	Công ty TNHH Tiến Bảo		1.864.849.000	1.866.749.000	1.866.749.000	0	-1.900.000	0
3		Gói thầu số 11	8.521.020.000	7.962.363.000	7.962.363.000	0	-2.038.000	560.695.000
-	Công ty cổ phần xây dựng Khánh Thịnh		5.038.461.000	4.954.169.000	4.954.169.000	0	0	84.292.000
-	Công ty TNHH Tiến Bảo		1.658.901.000	1.182.498.000	1.182.498.000	0	0	476.403.000
-	Công ty TNHH xây dựng thương mại Bảo An		1.823.658.000	1.825.696.000	1.825.696.000	0	-2.038.000	0
III	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy lợi Quảng Ngãi	Chi phí quản lý dự án	387.051.000	387.051.000	387.051.000	0	0	0
IV		Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.533.171.000	2.354.768.000	2.354.768.000	0	-41.035.000	219.438.000



TT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số cấp cho dự án			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng cộng	Trong đó		Phải thu (-)	Phải trả (+)
					Đã thanh toán	Đã thu hồi nợ Ngân sách nhà nước qua tài khoản của Thanh tra Bộ KH&ĐT		
1	Trung tâm tư vấn xây dựng Trường cao đẳng Công nghệ và thủy lợi Miền Trung	Chi phí chi phí khảo sát địa hình, địa chất và lập dự án đầu tư	511.766.000	512.244.000	512.244.000	0	-478.000	0
2	Miền Trung	Chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công	1.364.399.000	1.404.956.000	1.404.956.000	0	-40.557.000	0
3	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và đầu tư Quảng Ngãi	Chi phí giám sát thi công xây dựng	370.164.000	218.518.000	218.518.000	0	0	151.646.000
4	Công ty cổ phần tư vấn phát triển đầu tư và xây dựng Quảng Ngãi	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	42.056.000	42.056.000	42.056.000	0	0	0
5	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và đầu tư Quảng Ngãi	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	67.043.000	67.043.000	67.043.000	0	0	0
6	Quảng Ngãi	Chi phí thẩm tra tổng dự toán điều chỉnh	11.796.000	11.796.000	11.796.000	0	0	0
7	Trung Tâm trắc địa và quan trắc môi trường	Chi phí lập báo cáo đánh giá tổng mức đầu tư	79.658.000	79.658.000	79.658.000	0	0	0
8	Trung tâm tư vấn xây	Chi phí lập dự án đầu	86.289.000	18.497.000	18.497.000	0	0	67.792.000

TT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số cấp cho dự án			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng cộng	Trong đó		Phải thu (-)	Phải trả (+)
					Đã thanh toán	Đã thu hồi nộp Ngân sách nhà nước qua tài khoản của Thanh tra Bộ KH&ĐT		
	dựng Trường cao đẳng Công nghệ và thủy lợi Miền Trung	tư và thiết kế bản vẽ thi công - dự toán điều chỉnh						
<b>V</b>		<b>Chi phí khác</b>	<b>564.012.000</b>	<b>149.434.000</b>	<b>149.434.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>414.578.000</b>
1	Sở Kế hoạch và đầu tư Quảng Ngãi	Chi phí thẩm định dự án đầu tư	5.306.000	5.306.000	5.306.000	0	0	0
2	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy lợi Quảng Ngãi	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	9.563.000	9.563.000	9.563.000	0	0	0
3	Công ty Bảo Minh Quảng Ngãi	Chi phí bảo hiểm công trình	134.565.000	134.565.000	134.565.000	0	0	0
4	Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá ASIA DRAGON	Chi phí kiểm toán	323.551.000	0	0	0	0	323.551.000
5	Sở Tài chính Quảng Ngãi	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	91.027.000	0	0	0	0	91.027.000
<b>VI</b>	<b>Tổng cộng</b>		<b>27.097.532.000</b>	<b>25.914.114.000</b>	<b>25.941.350.000</b>	<b>-27.236.000</b>	<b>-53.004.000</b>	<b>1.236.422.000</b>